

TANG LỄ CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HOÀ BÌNH

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

Văn hoá tâm linh và tôn giáo tín ngưỡng chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội của con người. Ngoài mối giao lưu, quan hệ với cộng đồng xã hội, con người luôn quan tâm đến thế giới bên ngoài cuộc sống trần tục - thế giới thần linh và thế giới dành cho người chết. Mối quan tâm đó được thể hiện qua nghi lễ, lễ hội và đặc biệt là tang lễ.

Thuật ngữ *tang lễ* dùng để biểu thị cách thức về nghi lễ tôn giáo có quan hệ với người chết. Chết là mốc kết thúc cuộc đời của một con người trên thế gian. Đây là mốc cuối cùng của chu kỳ đời người mà ai cũng phải trải qua. Do vậy, làm ma cho người chết là nghi lễ quan trọng trong chu kỳ đời người của bất cứ một dân tộc nào. Hơn nữa, trong bất kỳ xã hội nào cũng vậy, tang lễ được coi là nghi lễ quan trọng để biểu lộ tình cảm của người sống đối với người quá cố. Qua tang lễ, ta thấy vũ trụ quan, thế giới quan của một cộng đồng, những yếu tố tạo nên văn hoá của mỗi tộc người. Đó là một trong những bức tranh quan trọng phản ánh cách đối nhân xử thế, bản sắc tâm lý và quy phạm đạo đức của một dân tộc.

Tang lễ nói chung đã từng được đề cập đến trong nhiều cuốn sách của Việt Nam như *Phong tục Việt Nam* của Toan Ánh (1987), *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính (2001). Sau này, tang lễ còn tiếp tục được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu

khác như *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam* của Tân Việt (2002), *Phong tục cổ truyền Việt Nam* của Nguyễn Hữu Ái và Nguyễn Mai Phương (2003), *Nghi lễ đời người* của Trương Thìn (2008), *Nghi lễ vòng đời* do Lê Trung Vũ (Chủ biên) (1999)...

Tang lễ của người Mường cũng được nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng giới thiệu trong các công trình của mình như *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội* của Jean Cusinier (1996), *Người Mường với Văn hoá cổ truyền Mường Bi* của Phượng Vũ (1988), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người* của Nguyễn Từ Chi (1995), *Người Mường ở Hoà Bình* của Trần Từ (1996), *Người Mường ở Việt Nam* của Bùi Tuyết Mai và Vũ Đức Tân (1999), *Mơ đường lên trời* của Đinh Văn Ân (2002), *Nghệ thuật múa Mường* của Bùi Chí Thanh (2001), *Người Mường ở Tân Lạc, Hoà Bình* của Nguyễn Thị Thanh Nga và Nguyễn Ngọc Thanh (2003)... đều đã đề cập về nghi thức tang lễ của người Mường. Tuy nhiên, những tác phẩm này mới chỉ đề cập khái quát một số khía cạnh khác nhau của nghi thức tang lễ mà chưa nêu lên chi tiết diễn biến của các nghi lễ, vai trò của các ông mo, cũng như chưa nêu ra được những biến đổi của nghi thức tang lễ và giá trị văn hoá của nó trong đời sống xã hội hiện tại.

1. Khái quát về người Mường ở Hoà Bình

Trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, người Mường đứng thứ 3 về dân số, sau

người Tày và người Thái. Trước đây tên tự gọi của người Mường là *Mol*, *Mual*, *Mon*, *Moan*, *Mó*... có nghĩa là người. Nay, tên gọi Mường là tên gọi chính thức của dân tộc Mường ở nước ta, được Nhà nước công nhận và sử dụng trong các văn bản pháp quy.

Hiện nay, ở Hoà Bình, người Mường vẫn là dân tộc có số dân đông nhất. Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 1.4.1999, người Mường có 479.197 người, chiếm 63,36% tổng số dân của toàn tỉnh và chiếm 36,9% tổng số người Mường trong cả nước (Địa chí Hoà Bình, 2005).

Người Mường ở Hoà Bình cư trú ở một vùng đồi núi khá rộng lớn, là khu vực có địa hình núi đá vôi thấp xen kẽ với những khối đá phiến, giữa các dãy núi có mặt bằng thung lũng rộng, những đồi lượn sóng thấp. Khí hậu nơi đây mang tính chất chuyển tiếp với cái nóng ẩm của miền Trung.

Trong hoạt động kinh tế, từ bao đời nay người Mường sống dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp, khai thác ruộng nương để trồng trọt và chăn nuôi. Sống ở khu vực miền núi, họ đã biết khai thác tự nhiên để có đất canh tác, tận dụng những khu đất có bề mặt tương đối bằng phẳng trong thung lũng và ở khắp mọi nơi để làm ruộng. Với kinh nghiệm làm thủy lợi được tích lũy từ thế hệ này sang thế hệ khác, dựa vào những nguồn nước ven sông và suối, họ đã thiết lập hệ thống mương, phai, xe nước, ống dẫn nước tự tạo chạy ngang dọc trên các cánh đồng, nhằm đưa nước đến các chân ruộng cao, phục vụ cho việc trồng lúa nước. Các sản phẩm hoa màu như ngô, sắn và các loại rau đậu thường được người Mường trồng trên nương. Những sản phẩm thu được từ nương

là nguồn rau quả quan trọng trong đời sống hàng ngày, dùng để trao đổi, buôn bán với đồng bào các dân tộc khác.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi cũng là nguồn thu nhập đáng kể. Ngoài các con vật nuôi truyền thống như trâu, bò, gà, lợn, ngày nay nhiều hộ gia đình người Mường đã nuôi dê, bò lai, bò sữa, ong... Họ biết tận dụng cây cỏ tự nhiên để kết hợp cả hình thức nuôi thả rông lẫn nuôi nhốt trong chuồng trại.

Ngoài sản xuất nông nghiệp, người Mường còn có hàng loạt các nghề khác từ lâu đã chiếm một vị trí kinh tế nhất định trong mỗi gia đình. Đó là các nghề thủ công như dệt vải, đan lát, rèn, ép dầu thảo mộc... nhằm phục vụ đời sống và dùng làm hàng hoá mua bán, trao đổi. Bên cạnh đó, họ vẫn duy trì hái lượm và đánh cá để cung cấp nguồn thức ăn quan trọng cho bữa ăn hàng ngày...

Trong đời sống văn hoá, người Mường ở Hoà Bình vẫn bảo lưu nhiều yếu tố truyền thống mang đậm tính tự nhiên và đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Vài nét về thế giới quan của người Mường

Các nhà nhân học cho rằng, những thành viên của cùng một xã hội, khi diễn giải những kinh nghiệm sống hàng ngày dựa trên những giả định về thế giới, họ hiểu được ý nghĩa cuộc sống của họ, và cuộc sống của họ có ý nghĩa với những thành viên khác trong cùng một xã hội. Những thực tế mang tính toàn diện này được gọi là thế giới quan (Schultz và Lavenda, 2001, tr. 234-235).

Hầu hết các tộc người đều cho rằng, ngoài thế giới mà chúng ta đang sống còn có một thế giới khác – thế giới bên kia, nơi ấy mới là vĩnh hằng của một kiếp người. Với

người Mường, không rõ từ bao giờ, từ khi nào người ta đã thiết lập cho mình hệ thống vũ trụ và thế giới ấy, và cho đến nay nó vẫn được thể hiện khá rõ trong tang lễ của họ.

Theo quan niệm truyền thống, thế giới quan của người Mường được chia thành “vũ trụ ba tầng, bốn thế giới” (Trần Từ, 1996, tr. 195). Vũ trụ ba tầng ở đây được hiểu là tầng trên, tầng giữa và tầng dưới. Tương đương với mỗi tầng vũ trụ là một thế giới, riêng ở tầng dưới cùng có hai thế giới, được phân bố trên một trục dọc (Nguyễn Từ Chi, 1995, tr. 17).

Trung tâm của vũ trụ là tầng giữa, tương đương với nó là thế giới của người đang sống, người ta đặt nó là *mường Bằng*, tiếng Mường gọi là *Mường Pua*. Ở thế giới *Mường Pua* này, người sống tập hợp với nhau thành *Noóc* (nóc nhà, tiểu gia đình), thành *Quêl* (tức xóm), thành Mường (địa vực gồm nhiều xóm dưới sự cai quản của Lang, Ấu). *Mường Pua* là thung lũng và đồi núi, là ruộng nước và nương rẫy, là xóm, là *mường* nhưng cũng là Kê Chợ nữa, bởi trong quan niệm vũ trụ của họ, người Mường không hoàn toàn loại trừ địa bàn của những dân tộc khác.

Cao hơn và ở phía trên của *mường Bằng*, nghĩa là tầng cao nhất của vũ trụ là *mường Trời* (*Mường Klời*) – nơi ngự trị của *Vua Trời* (*Bua Klời*), có các *Kem* phò tá. Xã hội Mường cổ truyền không có Vua, nhưng vì nhiều lý do lịch sử nên khái niệm Vua rất quen thuộc với người Mường. Về mặt không gian và thời gian, ở *mường Trời* vua Trời và các *Kem* không thể chết; họ bất tử, nếu thời gian ở *mường Trời* là bất tận. Nhưng không gian ở đây là hữu hạn; chính vì vậy, trong

Mo Kiện, người ta thấy ông mo dẫn hồn người chết vượt qua *Khuông Khan pên Khan* (Sông Khăng bên Khạn) để hầu kiện và làm một số thủ tục khác trước khi về thế giới bên kia. Như vậy, giữa *mường Trời* và *mường Bằng* có sẵn lối thông thương; những người sống không thể lên theo lối đó để lên trời vì đây là lối dành cho linh hồn người chết và lên *mường Trời* là một chặng đường trong hành trình của linh hồn đã thoát xác.

Tầng thấp nhất của vũ trụ, dưới con mắt của người Mường, có hai thế giới bên dưới: dưới đất và dưới nước. Thế giới trên mặt đất, người Mường gọi là *mường Bằng Dưới* (*Mường Pua Tin*). Về cấu trúc tổ chức và hoạt động xã hội, đây không phải là một thế giới siêu nhiên, cũng có con người cùng sống tập trung thành làng, cây cấy, cũng lấy vợ, lấy chồng, sinh con và dè cái... chỉ có điều “ở đây con trâu chỉ bằng con chó ở ta, con bò chỉ bằng con mèo, người lớn bằng đứa trẻ con mười ba mười bốn tuổi” (Trần Từ, 1996, tr. 210). Xưa kia, *Mường Pua* và *Mường Pua Tin* có lối thông thương với nhau, được gọi là cái *Róng*, nối liền mặt đất với thế giới bên dưới; rồi một hôm nào đó, ruộng bị lấp đi và quan hệ giữa hai thế giới bị cắt từ đó.

Cũng ở tầng thấp nhất của vũ trụ, nhưng không phải là lòng đất, còn có *Mường vua Kì* (*Mường bua Khu*), thế giới khác với *mường bằng* dưới. Nó được đặt dưới sự cai trị của một ông Vua. Khú là một nhân vật huyền hoặc thường xuất hiện trong cổ tích và truyền kỳ của người Mường dưới dạng rắn lớn ở nước. Đến đây ta có thể thấy rằng, hệ thống vũ trụ ba tầng – bốn thế giới của người Mường lấy *Mường Pua*, thế giới của người sống làm trung tâm; mọi đường đi

đều xuất phát từ đây và mọi thế giới khác đều quy tụ về đây. Tuy đều ở trong không gian hữu hạn, nhưng mỗi thế giới đều có bản chất riêng, do sự thông thương giữa các thế giới bị hạn chế.

Ngoài bốn thế giới ấy, còn có một thế giới khác là *mường Ma*, có liên quan trực tiếp đến số phận của con người nhưng lại không được xếp vào hệ thống vũ trụ. *Mường Ma* không có nghĩa thuần túy là lãnh thổ của người sống mà nó là thế giới dành cho người chết (dành cho ma). Nó được đồng nhất với nghĩa địa, là nơi đến và là điểm dừng chân cuối cùng trong cuộc hành trình của con người. Ở đó, người chết sẽ gặp lại tổ tiên, ông bà, bố mẹ, anh em, họ hàng – những người đã khuất và vĩnh viễn ở lại bên họ.

3. Quan niệm của người Mường về linh hồn và cái chết

Trong tiếng Mường có hai từ để chỉ linh hồn là *hồn (Wai)* và *vía (Bía)*. Về số lượng, *hồn* và *vía*, theo Trần Từ, con người ta dù nam hay nữ, cả thầy có 90 *hồn*, phân bố theo trục dọc của cơ thể, bên phải 40 *hồn*, bên trái 50 *hồn* (Trần Từ, 1996, tr. 184).

Vía chính là thuộc tính của mỗi con người và sống trong mỗi con người. Lúc còn sống, các loại *vía* chi phối và tác động trực tiếp lên mọi hoạt động của con người. Tuy nhiên, *vía* cũng có thể rời bỏ cơ thể hay đi đâu đó khiến cho con người ta có những biểu hiện bất thường. Trong trường hợp đó, người Mường thường mời ông mo về làm lễ cúng, gọi là *làm vía*.

Trong cuộc đời của mỗi con người có rất nhiều lần *làm vía*. Chẳng hạn khi sinh ra, đứa trẻ được làm lễ *treo nạ mụ*, để giữ *vía*

đứa trẻ không đi ra khỏi nhà. Khi ai đó nằm mơ gặp những người chết, người Mường cho rằng *vía* của người đó đang đi chơi với tổ tiên nên phải làm lễ gọi *vía* về. Những người già từ 50 tuổi trở lên, cảm thấy không được khoẻ, sẽ được ông mo làm lễ *wại thần*, để cho *vía* được khoẻ khoắn trở lại...

Người Mường quan niệm chết không phải là hết, không phải là chấm dứt tất cả mà là chuyển sang sống ở một thế giới khác. Cái chết đối với họ chỉ là cuộc hành trình cuối cùng của đời người ở thế giới trần tục và sự mở đầu của một cuộc hành trình mới ở một thế giới khác, thế giới bên kia. Đó mới là thế giới vĩnh hằng và ở đó mọi hoạt động diễn ra bình thường, không khác gì cuộc sống nơi trần gian, cũng có ăn, ở, đi lại, cũng làm nương, làm ruộng... Tuy nhiên, theo quan niệm của người Mường, con người khi chết đi vẫn luôn theo dõi công việc làm ăn, sinh hoạt của gia đình nên họ có thể phù hộ cho con cháu khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt nhưng cũng có thể làm cho con cháu gặp những điều xui xẻo...

4. Tang lễ của người Mường

Xuất phát từ quan niệm chết không phải là hết mà là chuyển sang sống ở một thế giới khác nên người Mường tổ chức tang lễ không chỉ thể hiện lòng thương xót, sự đau đớn, nuôi tiếc của gia đình và cộng đồng trước sự ra đi của một thành viên mà còn là sự chuẩn bị hành trang cho hồn người chết đến *mường ma* một cách thuận lợi, có cuộc sống đầy đủ, sung túc, không bị thiếu thốn. Từ ý nghĩa đó, tang lễ của người Mường được tổ chức với nhiều nghi lễ và được chuẩn bị chu đáo từ đầu đến cuối.

4.1. Báo tin người chết

Khi thấy ông bà, bố mẹ và người thân trong gia đình ốm nặng, khó có thể qua được, gia đình mời trường họ đến bàn bạc để chuẩn bị các thủ tục lo liệu cho người sắp chết. Để báo tin trong gia đình có người chết, người Mường đánh lên những hồi chiêng, trống dồn dập, liên tục để báo hiệu với bản mường. Trước kia, với những gia đình nhà lang, dàn nhạc cụ được sử dụng khá phong phú gồm một trống đồng, một trống túc nước, một kiềng, một thanh la, ba chiêng, kiềng đánh trước, tiếp đến trống con, trống đồng, tất cả đều đánh ba hồi, tiếp đó là ba phát súng nổ, trong khi ba chiếc chiêng gõ liên tục.

Khi trong nhà có người chết, người con trai trực tiếp nuôi bố/mẹ phải mang hai chai rượu đến nhà lang để xin phép được mời thầy *thượng* đến làm tang lễ cho người nhà và nhờ quan lang đánh trống báo hiệu cho dân làng được biết. Đồng thời, gia chủ phải chuẩn bị vải đỏ để làm *cờ quan hàm*, nay gọi là *cờ đi đường*. Cờ này được viết bằng chữ nho, trên đó viết tên và chức sắc của người chết, đem trình nhà lang để cắt đuôi *cờ*.

4.2. Khâm liệm

Khi người sắp chết hấp hối, những người thân trong gia đình, các con cháu phải ngồi bên cạnh nơi người sắp chết nằm, đợi khi người ấy tắt thở, người con trai cả phải vuốt mắt và cho người chết ngậm một ít gạo, muối cùng đồng bạc trắng, giữ cho mồm người chết khép kín và sau đó lật thi hài ngoảnh mặt ra phía ngoài cửa sổ.

Những người trong gia đình, dịp thời đun nước lá bưởi hoặc lá xà để tắm rửa, lau chùi thi thể người chết sạch sẽ. Tắm xong,

người ta mặc cho người chết bộ quần áo mới đã được chuẩn bị từ trước (gọi là bộ quần áo *bang khà*), đội mũ, đi giày tươm tất, sau đó lấy một cái khăn buộc từ cằm lên chòm đầu của người chết để giữ cho hàm và miệng khỏi há (gọi là khăn *đăng cang*). Tiếp đó, các con cháu trong nhà, trước hết là con thừa kế lần lượt lấy vải đỏ quấn chặt vào thi thể người chết. Sau khi đã quấn vải bọc, người ta trải một chiếu chiếu và đặt thi hài người chết lên giường ở nơi cửa sổ chính và đắp cho người chết một tấm chăn đơn có dải vải đỏ ở giữa và căng màn cho thi hài nằm được yên tĩnh. Chiếu, giường, màn lúc này phải được xoay ngang không được để dọc như người còn sống ở. Dây màn phải buộc bằng lạt để khi nhấc vào quan tài lòi dễ dứt, không được cời như bình thường, chiếu đặt thi hài hai mép phải được riềm vải đỏ. Quan tài được đặt song song gần với thi thể của người chết. Lúc này, một người trong gia đình chạy đi mời thầy *thượng* đến làm các nghi lễ cho người chết; còn những người khác trong gia đình phải chuẩn bị một con gà luộc, một bát xôi, một đôi đĩa, hai chai rượu, ít trầu cau để lên bàn thờ. Chân và tiết con gà phải được giữ gìn cẩn thận để thầy cúng xem quẻ.

Việc khâm liệm do con cháu, anh em trong gia đình tiến hành. Người ta phân công con cháu, mỗi người một góc màn, lòi cho dứt dây màn, nhấc bốn góc chiếu đặt thi thể người chết vào quan tài cẩn thận rồi gập chiếu lại và lấy que gài chặt. Lúc này, con gái cả lấy tay giặt chiếc khăn che mặt của người chết và thầy mo làm thủ tục “giao” vải vóc, quần áo cho người chết. Ông cầm một hòn than vạch vào góc chiếu, phía đầu quan tài và mỗi cái áo, quần được vạch một vạch, cứ như vậy cho đến khi hết số quần áo và vải

vóc con cái dành cho cha mẹ mình. Đồ dùng chôn theo người chết còn có một chiếc chần bông và nhiều chần đơn nữa, trong đó có một chiếc chần đơn ở giữa là một tấm vải đỏ, may dính vào hai mảnh vải nhỏ, gọi là *hai tai*, khi đắp tai quay xuống phía dưới. Hai bên, người ta còn đặt hai tấm lụa đỏ dài từ đầu đến chân người chết, tiếng Mường gọi là *clổng thôm*.

Đến giờ động tiếng, người ta dọn một mâm rượu, một thúng gạo, một tấm vải, một quan tiền đặt bên cạnh thi hài người chết ở phía ngoài, thấp một nén hương lên bàn thờ cúng trình báo tổ tiên, thần linh, thổ địa về người chết để bên âm nhận. Lúc cúng, con cháu trong nhà phải đứng ở bên cạnh, nam đứng phía dưới thi hài, nữ đứng phía trong. Sau đó, người con trai trưởng trong gia đình (nếu không có con trai thì phải là con rể trưởng) đeo vỏ dao hoặc cái *cặp nấp* (que gấp than cùi) đi lên *boóng tôông* (cửa sổ) gian ngoài, nơi thờ cúng tổ tiên và cũng là vị trí quan trọng nhất trong ngôi nhà truyền thống của người Mường, rút dao chặt ba nhát lên thành cửa sổ và nói to “nhà ta ở đây bố ơi” như để nói rằng người thay mặt thờ cúng tổ tiên nay không còn nữa và từ nay đảm nhiệm công việc đó trong gia đình là người con trai cả. Lúc đó chiêng trống bắt đầu đánh (*phát loi*), mọi người trong nhà bắt đầu khóc (*lốông thiếng*). Tiếp ngay sau đó là nghi lễ *bớ nài* (mở nài), lễ vật được dâng cho người chết trong lễ này là một com, trong đó có một con gà trống được luộc chín sau khi đã bị đập đầu vào cột nhà đến chết, thay vì cất tiết như thông lệ.

4.3. Các nghi lễ Mo

Lễ đầu tiên mà ông mo cử hành là lễ *Đạp ma*. Đạp ma với nghĩa bóng là bắt linh

hồn người chết phải phục tùng người cử hành tang lễ. Trước khi làm lễ này, ông mo phải mo hai bài. Bài thứ nhất là mời tổ tiên của ông mo về nhà người chết để chờ cho ông lúc ông đang hành lễ, gọi là *mo đôi nổ*. Bài thứ hai là để đánh thức sức mạnh thiêng liêng của túi khốt, gọi là *mo đôi khốt*. Túi khốt có chức năng trừ tà và khống chế sức mạnh của các lực lượng siêu nhiên khi chúng ám hại con người, vì vậy nó được coi là vật bất ly thân đối với các thầy mo khi hành nghề. Sau hai bài mo ấy, tang chủ đưa cho ông mo một chiếc vòng bọc chuỗi dao, chỗ đầu chuỗi cắm lưỡi dao. Ông mặc bộ đồ mo, tay trái cầm chiếc quạt giấy, tay phải cầm kiếm bước đến bên chỗ người chết nằm. Dừng lại ở đó, ông hú một câu, gọi tên người chết một tiếng, rồi ông co chân phải lên dậm một bước thật mạnh xuống sàn nhà. Không rời tư thế, ông xoay mặt trước bàn chân theo hình tròn, thoát tiên qua trái sau đó qua phải. Như vậy là xong lễ *đạp ma*.

Ngày thứ hai làm lễ *tống trùng*. Thầy mo dùng những pháp thuật nghiêm khắc của mình để xua đuổi những ma xấu đang quanh quẩn bên người chết (các loại ma trùng như: trùng nhất, trùng nhật, trùng nguyệt, trùng tướng, trùng ếm, trùng ai, trùng thái, trùng xá...). Khi ông mo tiến hành nghi lễ này, không được đánh chiêng. Tiếp theo đó là lễ tẩy dây. Đó là lễ cắt sợi dây vải nối chân người chết với một chiếc cọc cắm giữa nhà. Lễ này chủ yếu khấn vị thần trời rửa sạch bệnh trần gian cho linh hồn người chết để về nương ma được sạch sẽ, đồng thời có ý nghĩa cắt đứt sợi dây truyền nhiễm bệnh tật sang con cái về sau, còn gọi là lễ *kẹ*. Lễ *kẹ* được tiến hành không phải ở trong nhà mà ở bên ngoài, trên mặt đất, ngay trước “cửa sổ

người chết”. Một sợi dây dài được nối từ đầu của người chết hay trên bàn thờ vừa được thiết lập trong không gian dành cho người ấy, qua cửa sổ người chết, để rơi về hướng mặt đất ngoài nhà. Đoạn cuối của sợi dây ấy được đón nhận trên một chiếc bàn nhỏ, nơi ông mo ngồi hành lễ, mặt hướng vào nhà. Trên mặt bàn nơi ông mo hành lễ người ta đốt một ngọn đèn dầu. Sau khi cúng, khăn bải mo kẹ xong, thầy mo đỡ sợi dây cho qua ngọn đèn để sợi dây đứt đôi hoặc dùng kéo cắt đứt sợi dây và quạt tắt ngọn đèn. Ông mo lấy phần dây còn lại trong tay mình đưa cho người ngồi ngay đằng sau, đưa qua vai, không ngoái đầu lại. Sau lễ *kẹ* là lễ nhập quán cho người chết.

Trước khi cho thi thể người chết vào quan tài, thầy mo đầu đội mũ, vác gươm, tay cầm que hương và khăn. Khi ông mo làm xong các động tác trên, một người trong gia đình trèo lên *hoóng* lấy ba bông lúa nếp và ba bông lúa tẻ cho vào áo quan người quá cố đem giống lúa về thế giới bên kia. Người ta cũng chuẩn bị một tay nải đựng gạo, một chuỗi tiền xu đặt qua ngực người chết để làm lộ phí đi đường về thế giới *mường ma*. Trước khi đặt thi hài vào quan tài, người ta phải trải dưới quan tài một lượt bông *cả múi*. Khi người chết tắt thở, con cháu trong nhà lấy bông đó cho vào vò lúa, ba bốn người dùng chày tay, một người giã trước rồi đồng loạt giã theo như một dàn nhạc (gọi là *đám độn*). Khi đã làm xong các động tác đó, nắp quan tài được đập lại. Trước đây, người ta dùng *lá chọi* để bọc xác chết hoặc quan tài và chính lá đó là hàng rào chắn giữa hai thế giới người chết và thế giới người sống mà người ta yêu cầu linh hồn người chết không được vượt qua (Cuisinier, 1995, tr. 695).

Ngày nay, người ta dùng những tấm vải đỏ bọc kín quan tài và dùng kim khâu chặt. Họ gọi đó là áo *clòn*. Áo *clòn* do chính các con mang đến cho cha mẹ mình.

Buổi tối hôm ấy, thầy mo bắt đầu *mo tẻ tấ tẻ tác* (đề đất đề nước), được người Mường lưu truyền bằng hình thức truyền miệng từ đời này sang đời khác. Đề đất, đề nước kể về sự ra đời của đất, nước và con người, với mục đích dạy cho người chết, giúp cho họ một chút kiến thức để khi về thế giới bên kia không bị coi là kẻ dốt nát. Có lẽ *mo* đề đất, đề nước không chỉ dành riêng cho người chết, mà qua giọng *mo* đầy sức truyền cảm, ông mo còn muốn cung cấp kiến thức cho cả cộng đồng về quá trình hình thành đất nước, con người.

Đêm thứ ba, thầy mo tiến hành cho người chết được đi *nhìn họ*. Bằng lời *mo*, ông mo đưa người chết đi tìm họ hàng trong thế giới của người chết. Tuy nhiên, để tiến hành chuyến đi *nhìn họ*, gia chủ phải làm một cái vông, mắc ở phía ngoài ngôi nhà, chỗ cửa sổ, nơi đặt bàn thờ của ông mo nhìn ra. Phủ trên vông là một tấm nilon, bởi theo họ đó là tượng trưng cho chiếc ô che mưa, che nắng suốt dọc đường đi.

Ngày thứ tư là ngày đưa linh hồn người chết ra nơi mộ địa. Đi đầu đám tang là dàn nhạc trống lớn, trống con, kiềng, thanh la, chiêng, sáo, kèn ma, cò ke đánh những bản nhạc chia tay với người chết. Buổi tối, thầy mo lại tiếp tục *mo* những bài *mo táy* (thay lời người chết dạy dỗ, dặn dò con cháu trong nhà), *mo lia* (thay lời người chết nói những lời lia bỏ con cháu để đi về thế giới bên kia), *mo ti* (đưa người chết lên trời) hoặc *mo quốc nam* (đưa người chết qua các tầng âm phủ).

Hết đêm mo nhìn họ là mo đưa hồn người chết đi lên trời hầu kiện. Mo đi kiện được tiến hành trong năm đêm:

Đêm đầu tiên, thầy mo đưa hồn người chết đi gặp lang cun chạo họ, một viên quan coi sổ sách trên đường người chết lên trời đi kiện.

Đêm thứ hai, người chết tiếp tục đi đến nhà Theng Mur, chủ một chỗ ngủ trên đường và mượn áo xem cách thức dệt vải của người Mường; tiếp đó người chết đến nhà Tá Keo Heng, mượn một số tiền để đi tiếp.

Đêm thứ ba là đêm mo đi kiện. Vượt qua cầu Kỳ Liên, đoàn người đặt chân đến mừng trời cao. Đến đây, hồn phải dự phiên tòa do Lang cun xử kiện điều khiển. Tại đây, hồn bị các con vật tố cáo nhiều tội như hành hạ, ăn thịt và giết chết các loài... Hồn phải phản biện lại lời tố cáo và cuối cùng hồn được trắng án và tiếp tục cuộc hành trình.

Đêm thứ tư, Mo đi bán bông (*Tì pánh pôông*), lên trời mang bông đi bán lấy tiền trả nợ Keo heng; mo chuộc khổ (sau khi kiện xong xin chuộc lại sổ sách, giấy tờ đã nộp cho Lang cun chạo họ, xin được xóa tội và nhập vào sổ ma) và mo xin tuồng (xin cấp phương tiện đi lại trên trời), quay trở lại nhà Keo heng trả nợ đã vay lúc đi.

Đêm thứ năm, Mo xuống sông Tì (*mo Tuồng không tì – sông tì* theo quan niệm của người Mường là con sông ngăn cách thế giới người sống với thế giới người chết). Thầy mo đưa hồn người chết ra sông Tì, ngược lên Hòa Bình, sắm sửa đồ đạc để đưa về *tóống*.

Đến ngày thứ sáu. Buổi sáng làm lễ tế nhà xe, nhà táng ở đồng. Trước khi làm lễ,

ông mo phải mo bài tế nhà xe (*đề nhà xe*). Nhà táng thường làm cao mười hai tầng, mỗi tầng cao 1m, nhà xe được làm ba tầng bằng giấy trắng. Ông mo mặc áo dài, tay cầm kiếm vác trên vai, tiếp theo sau là một chú tà vác một cây mía, phía đầu ngọn mía có treo một lọ sành nhỏ, rồi sau đó là ông, bà ngoại, đội mâm cỗ, trên đội một cân gạo, tiếp theo là ba, bốn người đàn bà đội tấm phà gọi là đội cầu, sau cùng là các cháu nội, ngoại cũng đội chung nhau một tấm cầu dài khác. Con trai đội mũ *toóc* (mũ rom) chống gậy, con gái đội mũ múa (quạt ma). Trong lễ tế nhà xe có cả lễ tế quạt ma, gồm các nàng dâu trong trang phục quạt ma. Ông mo dẫn đầu đoàn tế nhà xe và đôi tế, quạt ma đi vòng quanh nhà xe bảy vòng. Vòng một dừng ở cửa *Tạp đất* (đạp đất), vòng hai ở cửa đông, vòng ba ở cửa nam, vòng bốn ở cửa tây, vòng năm ở cửa bắc, vòng sáu ở cửa giữa, vòng bảy ở cửa giữa nhà. Riêng vòng cuối mọi người di chuyển nửa vòng rồi quay lại. Trong buổi tế lễ nhà xe, các nàng dâu trong đội quạt ma vừa đi vừa làm động tác múa quạt ma. Buổi tối hôm ấy, thầy mo tế bài tế Hằng Nga nói về việc hình thành nhà xe, sau bữa cơm tối kể *chuyện vườn hoa núi cối*.

Ngày thứ bảy, thầy mo mo nhìn *tựọc nhà*. Nội dung của bài mo này là nói lên nỗi lưu luyến của người chết đối với vườn tựọc, nhà cửa nơi mình đang sống, đồng thời có ý nghĩa cấm nhà cho ma người chết. Sau khi mo nhìn *tựọc nhà* xong, thầy mo tiếp tục làm lễ *niềng pánh* (mời hồn ma ăn bánh). Chiều hôm đó là lễ *nựọc ti* (com đi), là bữa cơm cuối cùng của người chết tại nhà trước khi về thế giới của người chết.

4.4. Chôn cất

Công việc cuối cùng của một đám tang là tiến hành chôn cất thi thể của người chết. Trước khi đưa thi thể người chết ra khỏi nhà, gia chủ phải chuẩn bị một bữa cơm gồm một con lợn, rượu, trầu cau, nước, hương... mời người chết ăn bữa cơm cuối cùng. Cùng với việc cúng cơm dâng lễ cho người chết, gia đình còn phải lo một bữa cỗ to nhất so với các bữa cỗ trong tang lễ để mời những người tham dự tang lễ cùng ăn. Ăn uống xong, ông mo sẽ mo bài dọn đồ, dọn toàn bộ đồ đạc dành cho người chết mang về thế giới bên kia. Trước khi đưa quan tài ra khỏi nhà, người ta lấy hai chiếc chiếu trải ra gian khách (*voóng tôong*) trên bày tất cả các công cụ sản xuất như: chài, lưới, súng, nỏ, cày bừa (đối với nam), óp (giò đan bằng tre); công cụ làm cỏ nương, sa quay sợi, thóc gạo, xoong nồi (đối với nữ). Thầy mo đọc bài giao đồ đạc cho người chết. Trước khi cất công cụ, thầy mo lấy 3 mảnh nứa độ 3cm, tung lên (gọi là xin cáo); nếu thấy hai mảnh sấp, một mảnh ngửa hoặc hai mảnh ngửa, một mảnh sấp là được. Kết thúc nghi lễ, mọi người khiêng nhà táng úp vào quan tài.

Đội hình đám tang đi đầu là dàn nhạc và ông mo, tiếp đến là nhà táng. Nhà táng được đặt trên đòn khiêng như nhà xe do mười tám thanh niên khỏe mạnh khiêng. Hầu hết con cháu đều đi dưới nhà xe. Người đưa tang đi ở hai bên linh cữu. Mọi người đưa tang đều khóc thảm thiết, con trai, con gái, con dâu, con rể phải phục xuống, úp mặt xuống đất, làm thành hàng dài khi quan tài được khiêng từ sân nhà xuống sân. Khi khiêng quan tài ra khỏi nhà bao giờ cũng

được đưa ra qua cửa sổ chính bởi đó là nơi linh thiêng và có một ý nghĩa quan trọng trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người Mường. Việc đưa quan tài qua đường cửa sổ thể hiện sự tôn trọng của con cháu đối với người quá cố. Tuy nhiên, cũng có sự khác nhau cơ bản về cách thức đưa quan tài ra khỏi nhà giữa các vùng Mường. Đối với người Mường ở Tân Lạc, người ta có thể đưa quan tài ra bằng cửa chính chứ không hẳn phải qua bằng đường cửa sổ. Ngày nay, xu thế ở nhà đất giống như người Kinh ngày càng phổ biến nên việc đưa thi thể người chết ra ngoài theo lối cửa chính được người Mường chấp nhận và lựa chọn. Tiếp sau đó, ông mo và một phụ nữ trong nội tộc ôm một tấm chiếu cùng với những nàng dâu dàn hàng ngang thẳng trước mặt nhà xe. Những người khiêng quan tài truyền tay nhau chiếc quan tài qua cửa sổ rồi khiêng quan tài theo lệnh của ông mo ra nhà xe sao cho chân của thi hài hướng về phía trước, đầu về phía sau với niềm tin rằng làm như vậy để linh hồn người chết sẽ dễ dàng tìm thấy đường về nơi ở cũ của mình. Họ đặt quan tài lên trên đòn khiêng, lấy dây thừng buộc chặt quan tài vào đòn khiêng rồi chụm nhà xe lên trên. Trên quan tài có một bát nước và một ngọn đèn, trong quá trình đi phải giữ thăng bằng tránh làm đổ nước hoặc để tắt ngọn đèn. Ngay sau khi quan tài đã được buộc chặt, gia đình đi theo thầy mo và ban nhạc tang lễ vòng quanh nhà táng ba lần. Khi đến gần huyệt khoảng một trăm mét, những người khiêng đòn dừng lại và quay ngược đầu linh cữu.

Khi hạ huyệt, người ta để hai chiếc đòn khiêng dọc miệng hố, đặt quan tài lên trên,

luôn những chiếc dây lạt dài phía dưới, rút dần khiêng ra và từ từ hạ quan tài xuống. Trước khi hạ huyệt, người ta trải một chiếc chiếu mới xuống đáy huyệt và khi hạ xong quan tài người ta lại phủ lên trên đó một chiếc chiếu mới nữa, cuộn tròn bó sát theo hình quan tài. Sau đó người ta đặt lên trên quan tài tờ giấy, mà chúng ta tạm gọi là tờ giấy thông hành, theo nguyên tắc mặt có chữ được úp xuống. Khi lấp đất lên quan tài được khoảng một nửa mét, họ chôn dưới chân người chết một lọ sành đựng một ít nước, vài cái bát, vài cái đĩa con. Lúc này tất cả mọi người chịu tang cùng cầm xẻng cuốc đất lấp mồ. Lấp ngang bằng mặt đất, ông mo cắm cạnh mồ hai thanh tre, đắp nhô lên thành nấm giống như ở người Việt. Những chiếc gậy, mũ rơm của con trai, quả còn, lá cờ của người chết không được đốt đi mà được treo lên ngôi nhà táng. Cuối cùng người ta lấy hai bài văn khoán và văn than đốt đi. Việc chôn cất cho người chết đến đây coi như đã hoàn thành.

Theo phong tục cổ truyền của người Mường, ba ngày sau, người ta còn làm lễ dẫn đường cho hồn về, chỉ cho hồn biết nơi thờ cúng, lễ lạt, biết chỗ ngồi, lối về. Hồn sẽ trở về để cùng gia đình ăn uống một lần nữa. Con cháu ra nghĩa địa trồng đá, xây mồ, chôn vò đựng rượu ở đầu mộ và trước khi về đổ nước lên vò với ý nghĩa để cho hồn người chết được mát mẻ. Công việc trồng hồn mồ do ông mo tiến hành. Ông chôn bốn hòn đá ở bốn góc mồ theo hướng đông, tây, nam, bắc, xen kẽ là những viên đá nhỏ đã được phù phép để chống tà ma. Việc chôn những hòn đá ấy xung quanh mộ cũng phải tuân

theo quy luật. Người ta đặt quanh mộ những hòn đá theo số lẻ nếu như chồng/vợ của người chết vẫn còn sống, và chôn hòn đá theo số chẵn nếu người chết góa bụa. Tuy nhiên, về chi tiết này ở nhiều vùng Mường có sự khác nhau, chẳng hạn như ở xã Vĩnh Đồng (huyện Kim Bôi), người ta thường chôn 5 đến 7 hòn, tùy theo điều kiện của từng gia đình nhưng phải là số lẻ bởi theo quan điểm của người dân ở đây số lẻ là số dành cho người chết. Ngày nay, ở một số nơi của Hòa Bình, đặc biệt là những vùng ven quốc lộ, thị trấn... hòn mồ đã được khắc tên tuổi của người chết, hoặc một số gia đình đã đặt làm bia mộ giống như của người Kinh sống trong vùng.

Cũng giống như ở người Việt, tuy tang lễ đã kết thúc nhưng gia đình người chết vẫn phải tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt của một gia đình có tang trong 100 ngày. Thời kỳ này những người trong gia đình không được tham gia các cuộc vui chơi, không được có mặt trong lễ cưới. Sau lễ cúng 100 ngày, khi đắp lại mộ cho người chết (đắp mã đoạn tang), những kiêng cấm này mới được chấm dứt.

Tuy nhiên, người Mường lại có sự khác biệt đối với người Việt ở chỗ họ thường chỉ chôn cất người chết 1 lần mà không có lệ sang cát. Chỉ những trường hợp nào mồ mã có vấn đề thì mới di chuyển. Sau khi chôn cất người chết phải làm 4 lần giỗ: *Tam nhật, Thập nhật, Tam thập nhật, Bách nhật* và *Đoạn tang*. Sau 4 giỗ này hàng năm người Mường chỉ cúng một lần vào dịp tết Nguyên đán mà không làm giỗ hàng năm.

4.5. Một vài biến đổi trong tang ma

Một điều nhận thấy rằng, tang lễ của người Mường ở Hòa Bình hiện nay đã có nhiều thay đổi, nhất là sau thời kỳ đổi mới. Sự thay đổi này một mặt là do quy định mới của chính quyền địa phương cũng như của cả nước về việc đưa ra những tiêu chí của phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa. Đồng thời sự biến đổi này cũng do quá trình nhận thức của người dân, sự tác động của cơ chế thị trường và quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

Sự biến đổi trong tang lễ của người Mường dễ nhận thấy trước tiên là về thời gian tổ chức. Tang lễ hiện nay đã được rút ngắn mà không còn kéo dài như trước. Trước đây những gia đình thổ lang thường để xác chết trong nhà rất lâu, ít là 12 ngày đêm, nhiều là 3 tháng và thậm chí còn vài năm vì muốn khuếch trương sự giàu có. Còn đối với những gia đình thường dân phải để lâu là vì quá nghèo không có điều kiện tổ chức tang lễ. Ngày nay, chính quyền địa phương quy định không được để xác chết trong nhà quá 24 giờ, nếu vi phạm có thể bị phạt. Trường hợp đặc biệt phải báo cáo và được sự cho phép của chính quyền địa phương mới được để lại nhưng cũng chỉ kéo dài thêm một ngày. Hiện tượng ma khô hoàn toàn không còn nữa.

Sự rút ngắn thời gian đã làm thay đổi về các nghi lễ, đó là việc cắt bỏ các đêm mo và và một số bữa *niêng ăn*. Trước đây, nghi lễ tang ma cổ truyền sẽ có 12 đêm mo và 14 bữa *niêng ăn*. Mỗi bữa dâng cơm rượu lên cho hồn người chết phải thịt trâu,

bò, lợn và mỗi người con phải chịu trách nhiệm một bữa như vậy nên việc ăn uống trong đám ma, đám chay khá tốn kém. Ngày nay, mọi nghi lễ chỉ tập trung vào một đêm cùng 3 bữa *niêng ăn* mà thôi. Để làm bữa, tất cả anh em, họ hàng, con cháu đều phải đóng góp. Tất nhiên những người con trong gia đình phải là người chịu trách nhiệm chính và phải đóng góp nhiều hơn ca. Vì thế việc tổ chức tang ma có phần nhẹ nhàng hơn, không còn tình trạng vì nhà nghèo mà để ma khô trong nhà quá lâu.

Theo phong tục tang ma cổ truyền, để tiến hành các nghi lễ cần phải có ba ông mo (một ông chính và hai ông phụ). Ông mo chính xướng lên, ông mo phụ nhắc lại, và ông mo phụ có những lúc thay ông mo chính vì một mình ông mo chính không đủ sức hành lễ suốt 12 ngày đêm. Ngày nay, tang lễ người Mường chỉ mo một đêm nên chỉ cần một ông mo cũng có thể đảm nhiệm đủ.

Cũng trong phần nghi lễ, khi các thầy mo làm lễ *niêng ăn*, các nàng dâu trong trang phục quạt ma phải đứng quạt hầu cho linh hồn người chết được mát mẻ, thì nay gần như đã vắng bóng trong tang lễ của người Mường. Ngoài ra, một số chi tiết trong đám tang cũng có thay đổi do sự tác động của kinh tế thị trường. Chẳng hạn trước đây các loại vải vóc, quần áo mà con cháu, họ hàng đem đến cho người chết phải là vải tự dệt, nay có thể mua ở ngoài chợ mà không làm ảnh hưởng đến quan niệm của họ. Quan tài không nhất thiết phải tự tay con cháu lấy gỗ trên rừng về làm mà có thể mua...

Có thể thấy rằng, cùng với sự biến đổi của nền kinh tế - xã hội ở địa phương, nhờ quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các vùng dân tộc nên đã tạo ra những biến đổi trong tang lễ của người Mường. Tang lễ Mường hiện nay đã có những thay đổi ít nhiều cho phù hợp với tình hình mới, được xã hội Mường chấp nhận nhưng vẫn không ảnh hưởng đến quan niệm của người Mường về cái chết và những giá trị văn hóa, xã hội truyền thống của nó, đòi hỏi cần phải được bảo tồn và phát huy.

5. Kết luận

Tang lễ đối với người Mường ở Hòa Bình là một trong những nghi lễ quan trọng trong chu kỳ đời người, phản ánh đậm nét sắc thái văn hóa dân tộc cũng như đời sống tôn giáo tín ngưỡng với sự tham gia của nhân vật chính là ông mo, thân nhân người chết và bà con làng xóm. Những gì mà người sống làm cho người chết không ngoài mong muốn làm sao cho người thân của họ có một cuộc sống tốt đẹp ở thế giới vĩnh hằng để phù hộ cho con cháu một cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc. Để đạt được điều này, người Mường tổ chức đám tang với sự chuẩn bị rất chu đáo từ đầu đến cuối các nghi lễ: khâm liệm, nhập quan, giải quyết các thủ tục cho hồn, chôn cất thi thể... Ngoài một số yếu tố mang tính tiêu cực như để xác lâu trong nhà gây mất vệ sinh, tốn kém và ảnh hưởng đến sức khỏe, về cơ bản tang lễ người Mường chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa - xã hội cần được bảo tồn và phát huy.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Ái, Nguyễn Mai Phương (2003), *Phong tục cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
2. Toan Ánh (1987), *Phong tục Việt Nam*, Nxb Đồng tháp.
3. Đinh Văn Ân (2002), *Mơ đường lên trời*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Phan Kế Bình (2001), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Nguyễn Từ Chi (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. Cusinier, Jean (1996), *Người Mường - Địa lý Nhân văn và xã hội*, Nxb Lao động.
7. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2003), *Người Mường ở Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Schultz, Emily A.; Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Tài liệu dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bùi Chí Thanh (2001), *Nghệ thuật múa Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Trương Thìn (2008), *Nghi lễ đời người*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hoà Bình*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
12. Tân Việt (2002), *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
13. Lê Trung Vũ (Chủ biên) (1999), *Nghi lễ vòng đời người*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.